

Số/No: **592**.../2026/TB-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2026

Hanoi, 22 October 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ To :
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation
- Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants and Investors

- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company

- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch

- Tên Quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF

- Mã chứng khoán/ Securities code: **FUETPVND**

- Địa chỉ/ Address : Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ 11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **21/10/2026**

- Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT/Order	Mã chứng khoán/Securities Code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/ Weight (%)
I. Chứng khoán/Stock		954,855,000	97.74%
1	ACB	3,700	7.67%
2	BMP	100	1.41%
3	CTD	200	1.35%
4	CTG	700	2.18%
5	FPT	2,400	14.10%
6	GMD	1,700	9.57%
7	HDB	2,900	6.56%
8	KDH	400	0.58%
9	MBB	3,800	7.64%
10	MSB	2,000	3.07%
11	MWG	1,900	14.57%
12	NLG	1,100	2.41%
13	OCB	500	0.51%
14	PNJ	1,700	3.44%
15	REE	800	3.75%
16	TCB	2,900	10.08%
17	TPB	1,000	1.23%
18	VPB	3,100	7.62%
II. Tiền/Cash		22,110,928	2.26%
III. Tổng/Total (=I+II)		976,965,928	100%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 954,855,000 VND

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 976,965,928 VND

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: 22,110,928 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With subscription order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ With redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

+ Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có)/ In case stock can be replaced by cash:

Mã chứng khoán/Securities Code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/ Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied investors	Lý do/ State the Reason
FPT	63,140	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu của người liên quan /Restrictions on investment in related person shares
TPB	13,200	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company, Tien Phong Securities Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ, Nhà Đầu Tư hạn chế đầu tư /Restrictions on investment in parent company shares, Investor is restricted from investing.

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ State if component securities shall have corporate action (if any):
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other information (if any):

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period 21/10/2026(*)	Kỳ trước/ Last period 20/10/2026(**)	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ Issued Shares	5,600,000	5,600,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	9,670	9,670	-
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	54,710,092,007	54,291,691,246	418,400,761
của một lô ETF/per Creation Unit	976,965,928	969,494,486	7,471,442
của một chứng chỉ quỹ/per Share	9,769.65	9,694.94	74.71
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	2,202.97	2,185.26	17.71

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 20/10/2026/Item 5 is net asset value calculated as at October 20, 2026

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 19/10/2026/Item 5 is net asset value calculated as at October 19, 2026

**CÔNG
TY CỔ
PHẦN
QUẢN LÝ
QUỸ
VIỆT CÁT**

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ VIỆT CÁT
DN: C=VN, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
VIỆT CÁT, L=Quản Hai
Bà Trưng, ST-HÀ NỘI,
UID=MST:0102836355
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2026.10.22
14:16:19+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 2026.1.2

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised representative of Fund Management Company



GIÁM ĐỐC PHÁP CHẾ
Nguyễn Thị Lê Quyên